

Số: 841/BC-TCTTTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao 9 tháng năm 2017 và kết quả kiểm tra tháng 9 năm 2017

VĂN PHÒNG QUẢN LÝ TIN
Số: 5571
ĐẾN Ngày: 08.10.17
Chuyên: EF. P. 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO 9 THÁNG 2017

Từ ngày 01/01/2017 đến 30/9/2017, có tổng số 15.360 nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương. Trong đó, có 8.670 nhiệm vụ đã hoàn thành (đúng hạn: 7.474, quá hạn: 1.196); 6.690 nhiệm vụ chưa hoàn thành (trong hạn: 6.455, quá hạn: 235 - chiếm 3,2%, tăng 0,4% so với tháng trước) (có phụ lục kèm theo).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA CỦA TỔ CÔNG TÁC THÁNG 9 NĂM 2017

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc lấy năm 2017 là năm cắt giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Trong tháng 8 năm 2017, Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra 11 bộ quản lý chuyên ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ giao liên quan đến nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Trên cơ sở kết quả kiểm tra tháng 8 của Tổ công tác, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các Bộ triển khai thực hiện 8 nội dung để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra chuyên ngành (Thông báo số 685/TB-TCTTTg ngày 31 tháng 8 năm 2017).

Để giải quyết triệt để những vấn đề còn tồn tại, bất cập trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành (KTCN), kiên quyết cắt giảm thủ tục, giấy phép, thời gian, chi phí, gây phiền hà, tốn kém cho doanh nghiệp theo đúng ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong tháng 9, Tổ công tác tiếp tục tiến hành 04 cuộc kiểm tra chuyên đề đối với các Bộ, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ giao liên quan đến nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động KTCN đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Trước khi kiểm tra thực tế tại Hải Phòng và kiểm tra tại các Bộ, Tổ công tác đã có buổi làm việc với các Hiệp hội doanh nghiệp để nắm bắt đầy đủ thông tin một cách khách quan, toàn diện về những bất cập, hạn chế liên quan đến công tác KTCN hiện nay.

Tổ công tác xin báo cáo Chính phủ về kết quả kiểm tra như sau:

1. Kết quả kiểm tra thực tế về việc thực hiện kiểm tra chuyên ngành

Tổ công tác đã kiểm tra thực tế tại điểm KTCN của Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Hải quan Hải Phòng, Cơ quan Thú y vùng 2 thuộc Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Công ty CP đầu tư phát triển cảng Đình Vũ. Qua kiểm tra thực tế cho thấy:

- Trong 8 tháng đầu năm 2017, tại Chi cục Hải quan khu vực 3 - Cục Hải quan TP Hải Phòng có tổng số **77.984** tờ khai xuất nhập khẩu, trong đó có **23.508** tờ khai KTCN, chiếm tỉ lệ **36,4%** trong tổng số tờ khai xuất nhập khẩu. Thời gian thực hiện thông quan hàng hóa, phần thủ tục hải quan chiếm 28% thời gian, còn 72% là thời gian liên quan đến quản lý, KTCN. Cụ thể: Thời gian làm thủ tục thông quan từ khi tiếp nhận tờ khai đến khi kết thúc kiểm tra chi tiết hồ sơ trung bình khoảng 46 phút đối với tờ khai luồng vàng và 1 tiếng 10 phút đối với tờ khai luồng đỏ. Nhưng đối với tờ khai mang hàng bảo quản để chờ kết quả KTCN thì thời gian từ khi mang bảo quản đến khi thông quan trung bình khoảng 304 tiếng (12,6 ngày);

- Một số quy định còn chồng chéo, xung đột, bất cập giữa các văn bản quy phạm pháp luật và cả văn bản hành chính do các Bộ ban hành, tạo ra những rào cản, giấy phép con mang tính cơ kéo lợi ích ngành, lợi ích cục bộ, dẫn đến một mặt hàng bị điều chỉnh bởi nhiều văn bản; phải thực hiện nhiều thủ tục, KTCN của nhiều Bộ (tỷ lệ mặt hàng phải thực hiện 2 hoặc 3 thủ tục kiểm tra chuyên ngành, chiếm khoảng **58%**), thậm chí của nhiều đơn vị thuộc cùng một Bộ;

- Việc thống nhất ban hành danh mục hàng hóa phải KTCN và gắn mã HS còn chậm; danh mục hàng hóa thuộc đối tượng KTCN còn nhiều, phạm vi rộng (**khoảng 100.000 nghìn mặt hàng**); nhiều mặt hàng chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn đầy đủ; chưa đẩy mạnh áp dụng quản lý rủi ro, quản lý trên cơ sở đánh giá sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, chưa chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm;

- Không thực hiện phân cấp cho các cơ quan chuyên môn ở địa phương trong tiếp nhận hồ sơ đăng ký và cấp giấy tiếp nhận bán công bố hợp quy và giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm xuất nhập khẩu dẫn đến hồ sơ “ùn tắc”, kéo dài thời gian thông quan hàng hóa, gây phiền hà, tốn kém chi phí và giảm cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp;

- KTCN còn mang tính thủ tục, hồ sơ nhiều kê, đòi hỏi phải xuất trình cả những giấy tờ không liên quan đến chất lượng hàng hóa (như: B/L, hóa đơn, packing list...); không kiểm tra mẫu, chỉ nộp hồ sơ, lấy kết quả hoặc kiểm tra bằng cảm quan, cảm tính, phụ thuộc nhiều vào chủ quan do chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn;

- Cách thức, phương pháp lấy mẫu kiểm tra, kiểm nghiệm chưa khoa học, còn mang tính hình thức, thủ tục; có trường hợp khi mở container để lấy mẫu kiểm tra, kiểm nghiệm không có sự giám sát, chứng kiến của cơ quan hải quan theo quy định; hầu hết mẫu kiểm tra, kiểm nghiệm do doanh nghiệp tự mang đến (mẫu xách tay), do đó mẫu kiểm tra, kiểm nghiệm không mang tính đại diện cho lô hàng xuất nhập khẩu, không bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước;

- Thực hiện việc KTCN đối với 100% lô hàng trong quá trình thông quan không phân biệt thời điểm nhập khẩu, chủ thể nhập khẩu, model hàng hóa đã từng kiểm tra hay chưa và không có loại trừ, kể cả hàng hóa điện tử, hàng tiêu dùng, thực phẩm từ Châu Âu, Mỹ, Nhật nhưng tỷ lệ phát hiện vi phạm rất thấp, dưới **0,1%**, các vi phạm chủ yếu về thủ tục hành chính (KTCN về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế: kiểm tra 407 lô hàng nhưng phát hiện có 2 lô; kiểm tra động vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: kiểm tra 43.000 lô hàng, phát hiện có 20 lô);

- Tại điểm KTCN tập trung, các Bộ chưa đầu tư trang bị máy móc, thiết bị để phân tích, thử nghiệm, chỉ là nơi đăng ký kiểm tra, lấy mẫu và trả kết quả kiểm tra. Việc kiểm tra chất lượng hàng hóa, kiểm nghiệm vẫn phải về phòng thí nghiệm nội địa để kiểm tra. Điểm KTCN tập trung này chưa phát huy hiệu quả;

- Việc kết nối thông tin một cửa quốc gia giữa Hải quan và các Bộ quản lý chuyên ngành còn bất cập; hệ thống công nghệ thông tin chưa bảo đảm yêu cầu kết nối thông suốt, tự động, nhiều bộ chưa tham gia vào hệ thống; cơ quan hải quan còn bị động trong việc tra cứu kết quả kiểm tra chuyên ngành trên hệ thống một cửa quốc gia do hệ thống tự động không tự động thông báo thời gian cấp kết quả KTCN (cán bộ hải quan phải tự rà soát hoặc chờ doanh nghiệp cung cấp thông tin về kết quả KTCN).

Theo tính toán của Viện Quản lý kinh tế Trung ương: Hiện nay, doanh nghiệp đang phải gánh một khoản chi phí và thời gian rất lớn: **gần 30 triệu ngày công và 14,3 nghìn tỷ đồng, cụ thể:**

- *Kiểm dịch thực vật*: 26.608 tờ khai (lô)/năm; thời gian (trung bình) 7 ngày/lô; chi phí (trung bình) 0,67 triệu/lô. Trung bình 1 năm: 53,22 nghìn ngày công và 17,74 tỷ đồng.

- *Kiểm dịch động vật/thú y*: 191.092 tờ khai (lô)/năm; thời gian (trung bình) 7 ngày/lô; chi phí (trung bình) 10,67 triệu/lô. Trung bình 1 năm: 1.337,64 nghìn ngày công và 2.038,31 tỷ đồng.

- *Kiểm tra chất lượng, Kiểm tra hiệu suất năng lượng*: 250.518 tờ khai (lô)/năm; thời gian (trung bình) 11 ngày/lô; chi phí (trung bình) 15,63 triệu/lô. Trung bình 1 năm: 3.055,45 nghìn ngày công và 3.602,84 tỷ đồng.

- *Kiểm tra an toàn thực phẩm* (kiểm tra nhà nước): 277.768 tờ khai (lô)/năm; thời gian (trung bình) 9 ngày/lô; chi phí (trung bình) 9,81 triệu/lô. Trung bình 1 năm: 2.777,68 nghìn ngày công và 2.725,60 tỷ đồng.

- *Giấy phép nhập khẩu và các yêu cầu tương đương*: 840.014 tờ khai (lô)/năm; thời gian (trung bình) 27,3 ngày/lô; chi phí (trung bình) 7 triệu/lô. Trung bình 1 năm: 22.960,4 nghìn ngày công và 5.880,1 tỷ đồng.

2. Kết quả kiểm tra tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

Theo kết quả rà soát, thống kê: Từ ngày 01/01/2017 đến 10/9/2017, Ủy ban nhân dân TP Hải Phòng được giao 245 nhiệm vụ. Trong đó, đã hoàn thành 193 nhiệm vụ (đúng hạn); chưa hoàn thành 52 nhiệm vụ (trong hạn).

Thành phố Hải Phòng là một trung tâm kinh tế, có vị trí địa kinh tế quan trọng, là cảng biển lớn nhất miền Bắc, có lượng hàng hóa lưu thông qua cảng đạt hơn 58 triệu tấn trong 8 tháng đầu năm 2017, chiếm khoảng 30% lượng hàng hóa thông quan qua các cửa khẩu trong cả nước. Những năm qua, thành phố Hải Phòng có bước phát triển toàn diện, đóng góp quan trọng vào phát triển chung của đất nước; đổi mới mạnh mẽ về tư duy, cách làm; có nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh; năm 2016 là năm thứ 4 liên tục thành phố xếp thứ 2 cả nước về chỉ số CCHC và là một trong 10 địa phương hấp dẫn nhất đối với các nhà đầu tư Việt Nam. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục có những đột phá; các chỉ tiêu kinh tế 8 tháng đầu năm 2017 tăng trưởng cao so với cùng kỳ: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 20,61% so với cùng kỳ; kim ngạch xuất khẩu tăng 22,33% so với cùng kỳ; sản lượng hàng hóa qua cảng 8 tháng ước đạt 58 triệu tấn tăng 14,15% so với cùng kỳ. Thu ngân sách nhà nước ước đạt 46.334,2 tỷ đồng tăng 19,23% so với cùng kỳ.

Bên cạnh kết quả đạt được, thành phố Hải Phòng còn một số bất cập, như: Vấn đề quy hoạch chung của thành phố, quỹ đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ còn cao; tình hình tai nạn giao thông, vấn đề ô nhiễm môi trường còn phức tạp; việc thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng chưa tạo được sự đồng thuận cao trong cộng đồng doanh nghiệp...

3. Kết quả kiểm tra tại Bộ Y tế

Trong thời gian qua, Bộ Y tế đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong việc hoàn thiện thể chế (đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành 12 Nghị định, ban hành 70 Thông tư theo thẩm quyền); tích cực trong đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính và cải cách dịch vụ công để tăng sự hài lòng của người dân, và doanh nghiệp, đã thực hiện 33 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và 6 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 100% các thủ tục hành chính công đã được cung cấp ở mức độ 2. Việc thực hiện nhiệm vụ giao liên quan đến quản lý, KTCN đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được Bộ triển khai thực hiện tích cực, đã hoàn thành 7 nhiệm vụ trong tổng số 9 nhiệm vụ giao tại Quyết định 2026/QĐ-TTg; một số bất cập, tồn tại trong công tác kiểm tra chuyên ngành được khắc phục, như việc ban hành danh mục hàng hóa gắn mã số HS, một số mặt hàng đã áp dụng quản lý rủi ro (duốc phâm); chỉ định bổ sung đơn vị kiểm tra chuyên ngành (15 cơ quan)...

Tuy nhiên, công tác KTCN còn nhiều bất cập, gây khó khăn, tốn kém chi phí cho doanh nghiệp, như: việc yêu cầu phải công bố sự phù hợp; kiểm tra còn chồng chéo; danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành còn nhiều, trong khi chưa ban hành đầy đủ quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, chủ yếu kiểm tra

bằng cảm quan và trên hồ sơ nên tỷ lệ phát hiện lô hàng vi phạm chỉ 0,03%; chưa đẩy mạnh việc công nhận lẫn nhau; việc triển khai các thủ tục trên cơ chế một cửa quốc gia còn chậm (mới thực hiện 05 thủ tục trong 27 thủ tục đã đăng ký); chưa đẩy mạnh thực hiện phân cấp cho các cơ quan chuyên môn tại địa phương trong tiếp nhận hồ sơ đăng ký và cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm, được mỹ phẩm và thiết bị y tế... Tại buổi kiểm tra, Bộ Y tế chưa đưa ra được con số cụ thể danh mục hàng hóa phải KTCN sẽ cắt giảm, bao nhiêu mặt hàng sẽ thực hiện kiểm tra giảm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 685/TB-TCTTTg ngày 31 tháng 8 năm 2017.

4. Kết quả kiểm tra tại Bộ Công Thương

Bộ Công Thương đã tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, đã sửa đổi, bổ sung 9 văn bản quy phạm pháp luật trong tổng số 10 văn bản được giao phải sửa đổi, bổ sung.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo Bộ, sự nỗ lực, đồng thuận của các đơn vị trực thuộc, Bộ Công Thương đã khắc phục được những bất cập, tồn tại trong thực tiễn công tác KTCN thuộc phạm vi quản lý của Bộ, như việc bãi bỏ kiểm tra formaldehyde đối với sản phẩm dệt may, thủ tục dán nhãn năng lượng; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro để giảm tần suất kiểm tra; xóa bỏ 420 mã hàng (giảm 58,3%) trong số 720 mã hàng phải kiểm tra trước thông quan, ban hành phương án cắt giảm, đơn giản 675 điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (là Bộ dẫn đầu trong việc rà soát, bãi bỏ danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, xây dựng phương án cắt giảm thủ tục đầu tư kinh doanh); kịp thời công bố danh mục sản phẩm hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra việc bảo đảm chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật và an toàn thực phẩm trước khi thông quan; chỉ định thêm nhiều đơn vị đủ điều kiện thực hiện kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhằm xóa bỏ độc quyền trong kiểm tra, kiểm nghiệm ... Tuy nhiên, do quy định của các Luật khác nhau, dẫn đến tình trạng chồng chéo danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành giữa Bộ Công Thương và các Bộ khác; chưa ký được nhiều hiệp định về công nhận lẫn nhau với nước ngoài; còn một số loại hàng hóa chưa ban hành được quy chuẩn; thủ tục/chứng từ liên quan đến kiểm tra chuyên ngành cần cắt giảm hơn nữa...

III. KIẾN NGHỊ CỦA TỔ CÔNG TÁC

Trên cơ sở kết quả kiểm tra tại các Bộ, cơ quan, Tổ công tác kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan được kiểm tra trong tháng 9 và các Bộ, cơ quan, địa phương triển khai một số nhiệm vụ sau:

1. Đối với các Bộ, cơ quan, địa phương:

Kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan, địa phương chấn chỉnh việc ban hành các văn bản (văn bản hành chính, văn bản quy phạm pháp luật ban hành theo thẩm quyền) chồng chéo, tạo ra thủ tục hành chính nhiều kê, phức tạp (như một dạng giấy phép con), mang tính cơ

kéo lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ, lợi ích ngành, gây khó khăn, tác động tiêu cực đến đời sống, hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

2. Đối với các Bộ quản lý chuyên ngành

- Nghiêm túc thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo 685/TB-TCTTTg ngày 31 tháng 8 năm 2017.

- Khẩn trương rà soát, công bố danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện phải KTCN kèm theo mã số HS thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Bộ mình, cắt giảm, thu hẹp tối đa số lượng hàng hóa phải KTCN (có số liệu cắt giảm cụ thể). Việc cắt giảm, thu hẹp danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành bảo đảm thực chất, kiên quyết cắt giảm, thu hẹp những danh mục hàng hóa phải KTCN còn gây khó khăn, tốn kém chi phí;

- Khẩn trương rà soát danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành còn chồng chéo giữa Bộ mình với các Bộ khác, bị KTCN bởi nhiều cơ quan khác nhau và bị điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật, phải thực hiện nhiều thủ tục KTCN (từ 2 thủ tục trở lên), cấp nhiều chứng từ kiểm tra chuyên ngành đề xuất giải pháp khắc phục và báo cáo Tổ công tác trước 15 tháng 10 năm 2017 (đồng thời gửi báo cáo cho Bộ Tài Chính).

- Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa và công bố công khai các thủ tục hành chính kiểm tra chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ mình, bảo đảm minh bạch, rõ ràng, thuận tiện cho việc tiếp cận, tìm hiểu thông tin.

- Minh bạch hóa quản lý, KTCN: Tối thiểu hoá danh mục hàng hoá phải kiểm tra tại thời điểm thông quan; rà soát để thống nhất mã số HS phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam 2017 theo Thông tư 65/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Đẩy mạnh áp dụng thông lệ quốc tế, công nhận lẫn nhau và chủ động công nhận chất lượng của những nhãn hiệu, nhà sản xuất nổi tiếng, những hàng hóa được sản xuất tại các nước, khu vực có tiêu chuẩn chất lượng cao, tiên tiến (châu Âu, Mỹ, Nhật Bản...); đẩy mạnh quản lý rủi ro, chuyển mạnh sang hậu kiểm, giảm danh mục hàng hóa phải KTCN tại khâu thông quan để bảo đảm đạt mục tiêu giảm tỷ lệ các lô hàng nhập khẩu phải KTCN tại giai đoạn thông quan từ 35% hiện nay xuống 15% đúng theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 19/NQ-CP.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan hải quan để lập hồ sơ thông tin doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu liên quan đến KTCN để phân tích, đánh giá mức độ rủi ro, qua đó xác định hình thức, phương pháp KTCN phù hợp.

- Hiện đại hoá thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành: Điện tử hóa thủ tục; đẩy nhanh tiến độ việc thực hiện các thủ tục hành chính trên Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN.

3. Đối với Văn phòng Chính phủ

Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý chuyên ngành tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải pháp khắc phục tình trạng chồng chéo trong KTCN theo hướng giao một Bộ quản lý chuyên ngành làm đầu mối, chủ trì thực hiện việc kiểm tra chuyên ngành đối với các mặt hàng đang bị kiểm tra chuyên ngành bởi nhiều cơ quan khác nhau, với nhiều hình thức khác nhau, bị điều chỉnh bởi nhiều văn bản, phải thực hiện nhiều thủ tục (từ hai thủ tục trở lên).

4. Đối với các Bộ, cơ quan, địa phương được kiểm tra

a) Đối với Bộ Y tế

- Khẩn trương rà soát và quyết liệt cắt giảm danh mục hàng hóa phải KTCN; giao Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương: (1) tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để giảm 90% lô hàng thực phẩm nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành so với hiện nay; (2) rà soát, sửa đổi các quy định về KTCN đối với thực phẩm nhập khẩu theo hướng áp dụng kiểm tra giảm (chỉ kiểm tra hồ sơ) đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm cùng loại sản phẩm, xuất xứ mà có thông báo đạt yêu cầu nhập khẩu 3 lần liên tiếp. Chuyển sang hậu kiểm đối với thực phẩm thông thường, chỉ tiến hành KTCN tại khâu thông quan đối với một số thực phẩm có nguy cơ mất an toàn cao để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Khẩn trương xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật đáp ứng công tác KTCN; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương chuyển các quy định về ATTP theo tiêu chuẩn Codex (hiện đang được các văn bản trong nước quy định về các mức giới hạn ATTP) thành các quy chuẩn kỹ thuật.

- Áp dụng quản lý rủi ro, chuyển sang hậu kiểm đối với toàn bộ danh mục hàng hóa về thiết bị y tế, dược và mỹ phẩm như đã cam kết với Tổ công tác.

- Nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp và các Bộ, ngành liên quan vào Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 38/2012/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, như bãi bỏ quy định liên quan tại Thông tư 19/2012/TT-BYT về công bố hợp quy đối với sản phẩm thực phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật; áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra ATTP; bổ sung thêm đối tượng được miễn kiểm tra ATTP như: hàng tạm nhập tái xuất, hàng nhập khẩu kinh doanh cửa hàng miễn thuế, hàng quà biếu tặng nhập khẩu trong định mức miễn thuế, hàng nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu...

- Về việc kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối i ốt. Dù trên thực tế chưa có doanh nghiệp nào bị kiểm tra nhưng đề nghị Bộ Y tế có văn bản hướng dẫn chỉ kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất muối I ốt, không kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối I ốt theo đúng chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam để không gây bức xúc cho doanh nghiệp và các Hiệp hội chế biến thực phẩm.

b) Đối với Bộ Công Thương

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt cho vấn đề thực hiện cô phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp, bảo đảm thu hồi tối đa giá trị do nhà nước đầu tư; đẩy nhanh tiến độ xử lý các dự án thua lỗ, yếu kém thuộc ngành Công Thương, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, không để xảy ra thất thoát tài sản của nhà nước theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Khẩn trương rà soát chuẩn hóa lại mã số HS của các hàng hóa trong Danh mục hàng hóa nhóm 2 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BCT theo phiên bản 2017 tại Thông tư số 65/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; khẩn trương ban hành Danh mục hàng hóa có mã số HS thuộc diện phải kiểm tra hiệu suất năng lượng, hàng hóa không được nhập khẩu, sản xuất và lưu thông theo Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09/03/2017 của Thủ tướng Chính phủ để tạo sự thống nhất giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp.

- Khẩn trương ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung quy chuẩn Việt Nam đáp ứng yêu cầu công tác kiểm tra chuyên ngành đối với các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý của Bộ chưa có quy chuẩn hoặc quy chuẩn không phù hợp theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý chuyên ngành khẩn trương rà soát, thống nhất một số loại chứng từ quản lý/kiểm tra chuyên ngành có tên gọi khác nhau nhưng về bản chất nội dung kiểm tra tương tự nhau.

Cụ thể: Trong nhóm giấy phép, ngoài giấy phép nhập khẩu, giấy phép nhập khẩu tự động, giấy phép hạn ngạch thì còn các loại khác như: xác nhận khai báo hóa chất, phê duyệt kinh doanh,...; Các loại chứng từ khác như: Công bố tiêu chuẩn; Chứng từ xác nhận tổ chức, cá nhân đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật đầu tư (giấy phép kinh doanh, phê duyệt hợp đồng xuất khẩu, xác nhận cơ sở chế biến,...); Chứng từ xác nhận hàng hóa đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu (hiệu suất năng lượng, khai báo hóa chất,...),...

- Tiếp tục chủ trì và đôn đốc các Bộ liên quan ban hành đầy đủ Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành trước khi thông quan kèm mã số HS theo quy định tại Nghị định 187/2013/NĐ-CP để hạn chế vướng mắc; đồng thời khẩn trương tham mưu trình Chính phủ sớm ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý ngoại thương.

c. Đối với Bộ Tài chính

- Chỉ đạo cơ quan hải quan nói chung và Cục Hải quan Hải Phòng nói riêng tiếp tục cải cách toàn diện, mạnh mẽ trong việc thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến ngành hải quan; áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin kịp thời, thường xuyên giữa cơ quan hải quan với các Bộ quản lý chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Tiếp tục có giải pháp hiệu quả nâng cao chất lượng, đạo đức và trách nhiệm thực thi công vụ của công chức, cán bộ ngành hải quan; khắc phục triệt để hiện tượng tiêu cực, “phí bôi trơn” còn xảy ra trong ngành hải quan như báo chí đã nêu và có biện pháp xử lý nghiêm khắc những cán bộ có hành vi tiêu cực, sách nhiễu doanh nghiệp, bảo đảm tính răn đe và phòng ngừa.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý chuyên ngành đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có giải pháp đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như con người để nâng cao hiệu quả hoạt động của các địa điểm kiểm tra chuyên ngành tập trung để thực hiện hiện việc tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra, kiểm nghiệm mẫu và trả kết quả ngay tại các địa điểm này, góp phần giảm thời gian thông quan hàng hoá, giảm chi phí cho doanh nghiệp; thúc đẩy việc trao đổi thông tin, phối hợp công tác giữa các đơn vị liên quan tại cửa khẩu.

- Tiếp tục đôn đốc các Bộ, cơ quan liên quan rà soát các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu hiện đang phải thực hiện cùng lúc nhiều thủ tục, cấp nhiều chứng từ kiểm tra chuyên ngành để thống nhất đề xuất phương án đổi mới kiểm tra chuyên ngành phù hợp theo hướng giảm các loại giấy tờ, chứng nhận kiểm tra chuyên ngành nhưng vẫn bảo đảm kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, đầy đủ các chỉ tiêu, yêu cầu cần thiết về chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm dịch, môi trường.

d. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế phải song hành với các giải pháp hiệu quả bảo vệ môi trường, nhất là trong bối cảnh thành phố có nhiều dự án đầu tư, nhiều nhà máy; tập trung, chỉ đạo quyết liệt các đơn vị chức năng tăng cường kiểm tra, thanh tra và có biện pháp quản lý chặt chẽ, xử lý nghiêm các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh không tuân thủ nghiêm túc quy định về bảo vệ môi trường theo đúng chỉ đạo của TTg Chính phủ tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016.

- Thành phố Hải Phòng cần quan tâm tới công tác quy hoạch; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa mang tính bền vững, kết nối với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm; có giải pháp trong việc cân đối quỹ đất hợp lý với tốc độ phát triển của đô thị loại I, với định hướng dành 70% quỹ đất cho đô thị; đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tích tụ ruộng đất để sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, liên kết theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng, gắn với thị trường; đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, nhất là hạ tầng giao thông đô thị và có giải pháp quyết liệt giảm tai nạn giao thông trên địa bàn thành phố, nhất là tại các điểm giao cắt trên các quốc lộ 10, quốc lộ 5, tuyến đường 353... thường có mật độ phương tiện qua lại dày đặc, lưu lượng xe đầu kéo ngày càng tăng nhanh trong khi hạ tầng giao thông chưa đáp ứng yêu cầu.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá, xem xét, điều chỉnh lại mức phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu, đảm bảo hợp lý, giảm chi phí cho doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo nguồn thu để đầu tư, duy tu, bảo dưỡng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối giữa cảng biển với hệ thống đường quốc lộ và các chi phí dịch vụ công ích, báo cáo, trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét quyết định tại cuộc họp gần nhất./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các thành viên Tổ công tác;
- Tổng cục Hải quan;
- VPCP: Các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, đơn vị: KGVX, CN, KTTH, NN, PL, QHQT, ĐMDN, V.I, NC, KSTTHC, Công thông tin điện tử CP;
- Lưu: VT, TCTTTg (3b).L *ML*

TỔ TRƯỞNG



**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VPCP
Mai Tiên Dũng**

KẾT QUẢ

Thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương

(Từ 01/01/2017 - 30/09/2017)

STT	Cơ quan được giao	Tổng số văn bản giao nhiệm vụ	Tổng số nhiệm vụ giao	Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành	
				Đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn	
1	Bộ Công an	118	205	59	21	122	3	
2	Bộ Quốc phòng	91	155	60	29	65	1	
3	Văn phòng Chính phủ	32	40	34	0	6	0	
4	Bộ Ngoại giao	61	107	24	0	82	1	
5	Bộ Nội vụ	146	226	95	20	109	2	
6	Bộ Tư pháp	84	143	102	5	36	0	
7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	380	670	111	193	348	18	
8	Bộ Tài chính	482	678	369	145	161	2	
9	Bộ Công Thương	291	500	268	29	204	0	
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	258	404	309	38	57	0	
11	Bộ Giao thông vận tải	314	501	312	46	142	1	
12	Bộ Xây dựng	188	278	212	19	47	0	
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	269	394	254	31	104	5	
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	103	189	103	9	77	0	
15	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	131	217	112	6	99	0	
16	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	101	180	153	8	18	1	
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	106	194	92	12	90	0	
18	Bộ Giáo dục và Đào tạo	127	201	61	17	123	0	
19	Bộ Y tế	107	223	28	21	164	10	
20	Ủy ban Dân tộc	58	96	19	6	71	0	
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	133	531	409	46	76	0	
22	Thanh tra Chính phủ	106	157	51	36	65	5	
23	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	1	1	0	0	1	0	
24	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	6	14	1	0	13	0	
25	Đài Tiếng nói Việt Nam	8	8	0	0	6	2	
26	Đài Truyền hình Việt Nam	7	7	0	0	5	2	
27	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	2	11	0	0	11	0	
28	Thông tấn xã Việt Nam	3	3	0	0	3	0	
29	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	3	3	0	0	2	1	

30	UBND Thành phố Hà Nội	139	215	12	31	165	7
31	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	142	213	137	37	22	17
32	UBND Thành phố Hải Phòng	73	139	80	0	59	0
33	UBND Thành phố Đà Nẵng	81	147	38	4	92	13
34	UBND Thành phố Cần Thơ	71	136	108	5	23	0
35	UBND Cao Bằng	66	130	69	2	56	3
36	UBND Lạng Sơn	66	130	93	16	20	1
37	UBND Lai Châu	66	129	15	4	110	0
38	UBND Điện Biên	63	127	30	7	88	2
39	UBND Hà Giang	68	131	63	7	61	0
40	UBND Sơn La	67	131	77	9	42	3
41	UBND Tuyên Quang	67	132	89	9	32	2
42	UBND Yên Bái	65	128	83	9	34	2
43	UBND Lào Cai	72	137	9	9	115	4
44	UBND Bắc Kạn	67	131	29	5	85	12
45	UBND Thái Nguyên	74	139	79	1	59	0
46	UBND Phú Thọ	66	130	74	4	51	1
47	UBND Vĩnh Phúc	79	143	41	9	88	5
48	UBND Bắc Giang	69	132	77	1	53	1
49	UBND Bắc Ninh	72	146	29	3	114	0
50	UBND Hòa Bình	66	130	88	2	40	0
51	UBND Quảng Ninh	72	137	118	10	8	1
52	UBND Hải Dương	71	135	6	5	115	9
53	UBND Hưng Yên	67	131	83	3	45	0
54	UBND Thái Bình	73	138	133	0	5	0
55	UBND Hà Nam	70	132	36	3	91	2
56	UBND Nam Định	74	138	41	0	97	0
57	UBND Ninh Bình	68	144	11	9	123	1
58	UBND Thanh Hóa	67	116	57	0	59	0
59	UBND Nghệ An	75	140	3	12	122	3
60	UBND Hà Tĩnh	78	147	80	11	54	2
61	UBND Quảng Bình	78	149	131	0	18	0
62	UBND Quảng Trị	76	144	28	11	100	5
63	UBND Thừa Thiên Huế	72	141	108	5	28	0
64	UBND Quảng Nam	80	146	125	3	18	0
65	UBND Quảng Ngãi	71	138	100	6	32	0
66	UBND Bình Định	72	137	132	1	4	0
67	UBND Phú Yên	72	136	106	5	24	1
68	UBND Khánh Hòa	76	147	7	12	128	0
69	UBND Ninh Thuận	68	132	84	6	41	1

70	UBND Bình Thuận	75	144	88	2	54	0
71	UBND Gia Lai	80	149	112	3	34	0
72	UBND Kon Tum	71	134	77	6	51	0
73	UBND Đắk Lắk	78	142	72	16	53	1
74	UBND Đắk Nông	75	139	42	12	85	0
75	UBND Lâm Đồng	76	140	38	11	90	1
76	UBND Đồng Nai	81	147	11	12	123	1
77	UBND Bà Rịa - Vũng Tàu	73	137	82	12	39	4
78	UBND Long An	78	143	23	4	105	11
79	UBND Tây Ninh	67	131	58	13	59	1
80	UBND Bình Dương	72	140	123	2	15	0
81	UBND Bình Phước	70	139	9	5	115	10
82	UBND Tiền Giang	72	136	73	13	48	2
83	UBND Bến Tre	70	136	116	5	15	0
84	UBND Hậu Giang	66	131	45	12	74	0
85	UBND Sóc Trăng	69	135	55	4	71	5
86	UBND Đồng Tháp	69	133	53	1	79	0
87	UBND Vĩnh Long	58	121	100	8	13	0
88	UBND Trà Vinh	65	129	80	8	40	1
89	UBND An Giang	74	139	43	2	94	0
90	UBND Kiên Giang	73	139	78	15	44	2
91	UBND Bạc Liêu	69	134	30	6	89	9
92	UBND Cà Mau	72	137	62	11	64	0
93	Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ	2	2	0	0	0	2
94	Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	5	6	0	0	6	0
95	Tập đoàn Viễn thông Quân đội	2	3	1	0	2	0
96	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	2	3	0	0	3	0
97	Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	1	2	0	0	2	0
98	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	8	19	0	0	18	1
99	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	20	25	0	0	23	2
100	Tập đoàn Dệt - May Việt Nam	6	11	0	0	11	0
101	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	21	32	0	0	31	1
102	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	4	5	0	0	5	0
103	Tổng công ty Cà Phê Việt Nam	2	3	0	0	3	0
104	Tổng công ty Dầu tu và Kinh doanh vốn Nhà nước	2	2	0	0	2	0
105	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	56	57	56	0	0	1
106	Tổng công ty Giấy Việt Nam	1	2	0	0	2	0
107	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	1	2	0	0	2	0
108	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	3	6	0	0	6	0
109	Tổng công ty Lương thực miền Bắc	2	3	0	0	3	0

110	Tổng công ty Lương thực miền Nam	3	4	0	0	0	3	1
111	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	1	2	0	0	0	2	0
112	Tổng công ty Xi măng Việt Nam	1	2	0	0	0	2	0
113	Tổng công ty Thép Việt Nam	2	3	0	0	0	3	0
114	Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam	1	2	0	0	0	2	0
115	Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam	1	2	0	0	0	2	0
116	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	2	2	0	0	0	2	0
117	Ngân hàng Chính sách xã hội	6	6	0	0	0	5	1
118	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	4	6	0	0	0	4	2
119	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1	1	0	0	0	1	0
120	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	3	3	0	0	0	3	0
121	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	1	0	0	0	0	1
122	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	1	1	0	0	0	0	1
123	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	2	2	0	0	0	1	1
124	Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam	1	1	0	0	0	0	1
125	Tòa án nhân dân tối cao	1	1	0	0	0	1	0
126	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	2	2	0	0	0	1	1
127	Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia	8	13	0	0	0	11	2
128	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	1	4	0	0	0	4	0
129	Hội Khuyến học Việt Nam	1	2	0	0	0	2	0
130	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	2	2	0	0	0	1	1
131	Đại học Quốc gia Hà Nội	1	1	0	0	0	0	1
132	Kiểm toán Nhà nước	4	4	0	0	0	3	1
133	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1	1	0	0	0	0	1
134	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	2	2	0	0	0	2	0
135	Ban Chỉ đạo Đổi mới và PTĐN	3	3	0	0	0	0	3
136	Tổng hội Y học Việt Nam	1	1	0	0	0	1	0
137	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	3	3	0	0	0	0	3
138	Ủy ban Biên giới Quốc gia	1	1	0	0	0	0	1
139	Liên Hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam	1	3	0	0	0	3	0
140	BCĐ Phòng Chống lụt bão Trung ương	1	1	0	0	0	1	0
	Tổng số		15360	7474	1196	6455	235	

Thời điểm xuất báo cáo 30/09/2017 13:55:22